CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG UỶ THÁC XUẤT KHẨU

ENTRUSTED EXPORT CONTRACT

Số… /HĐKT

No.../HĐKTXK

Hôm nay ngày… tháng… năm… tại… chúng tôi gồm có

Today, on ..... at ...., we include

BÊN ỦY THÁC

ENTRUSTOR

- Tên doanh nghiệp…….
- *Company's name*…….
- Địa chỉ trụ sở chính ……
- *Head office address*…….
- Điện thoại…… Telex……. Fax…….
- *Phone number .... Telex……. Fax…….*
- Tài khoản số:…… mở tại ngân hàng……..
- *Bank account no:…… opened at ……*
- Đại diện là ông (bà) …….. Chức vụ……
- *Representative: Mr (Ms) …….. Occupation ……*
- Giấy ủy quyền số……. (nếu có)
- *Authorization letter no..... (if any)*

Viết ngày…… tháng…… năm……do……. chức vụ….. ký

Written on……signed by…… occupation……

Trong hợp đồng này gọi tắt là bên A

In this contract, referred to as Party A for short

BÊN NHẬN ỦY THÁC

ENTRUSTEE

- Tên doanh nghiệp…….
- *Company's name*…….
- Địa chỉ trụ sở chính …….
- *Head office address*…….
- Điện thoại…… Telex……. Fax…….
- *Phone number .... Telex……. Fax…….*
- Tài khoản số:…… mở tại ngân hàng……..
- *Bank account no:…… opened at ……*
- Đại diện là ông (bà) …….. Chức vụ……
- *Representative: Mr (Ms) …….. Occupation ……*
- Giấy ủy quyền số……. (nếu có)
- *Authorization letter no..... (if any)*

Viết ngày…… tháng…… năm……do……. chức vụ….. ký

Written on…….signed by…… occupation……

Trong hợp đồng này gọi tắt là bên B

In this contract, referred to as Party B for short

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

The two parties reached an agreement on the contract content as follows

Điều 1: ***Nội dung công việc uỷ thác***

Article 1: Entrusted work

Bên A uỷ thác cho bên B xuất khẩu những mặt hàng sau:

Party A entrusts Party B to export the following products:

STT *Ordinal number*	Tên hàng *Name of goods*	Đơn vị tính *Unit*	Số lượng *Quantity*	Đơn giá *Unit price*	Thành tiền *Total*	Ghi chú *Note*

Cộng:……

Total:……

Tổng giá trị tính theo tiền Việt Nam (bằng chữ):……

Total value in Vietnamese currency (in words):……

Tổng giá trị tính theo ngoại tệ (bằng chữ):……..

T*otal value in foreign currency (in words):……..*

Điều 2: *Quy cách phẩm chất hàng hoá*

Article 2: Product quality specifications

Bên B có trách nhiệm hướng dẫn trước cho Bên A về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, tiêu chuẩn kiểm dịch, bao bì, cách chọn mẫu để chào hàng v.v… ngay từ khi sản xuất, chế biến.

1) Party B is responsible for instructing Party A in advance about goods quality standards, quarantine standards, packaging, how to choose samples for offering, etc. right from the time of production and processing.

2) Bên A phải cung cấp cho bên B các tài liệu cần thiết về quy cách, phẩm chất, mẫu hàng… để chào bán.

2) Party A must provide Party B with necessary documents on specifications, quality, product samples, etc. to offer for sale.

3) Bên A phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá (nếu có sự sai lệch so với nội dung chào hàng) đồng thời chịu trách nhiệm về số lượng hàng hoá bên trong bao bì, trong các kiện hàng hoặc container do bên A đóng, khi hàng đến tay bên ngoài.

3) Party A must be responsible for the quality of goods (if there is any deviation from the offered content) and at the same time responsible for the quantity of goods inside the packaging, in packages or containers provided by Party A, when the goods arrive outside.

Điều 3: *Quyền sở hữu hàng xuất khẩu*

Article 3: Ownership of exported goods

Hàng hoá uỷ thác xuất khẩu là tài sản thuộc sở hữu của bên A cho đến khi hàng đó được bên A chuyển quyền sở hữu cho khách hàng nước ngoài. Trong bất cứ giai đoạn nào, bên B cũng không có quyền sở hữu số hàng uỷ thác này.

1) Goods entrusted for export are assets owned by Party A until the goods are transferred ownership by Party A to the foreign customer. During no period does party A have the right to own these entrusted goods.

2) Bên B phải tạo điều kiện cho bên A được tham gia cùng giao dịch, đàm phán với bên nước ngoài về việc chào bán hàng hoá của mình.

2) Party B must facilitate Party A to participate in transactions and negotiations with foreign parties regarding the offering of the goods.

3) Mỗi lô hàng bày bên A cam đoan chỉ uỷ thác cho bên B là đơn vị có chức năng xuất nhập khẩu tiến hành chào hàng và xuất khẩu kể từ ngày… tháng… năm… , nếu sau đó bên A lại chuyển quyền sở hữu lô hàng uỷ thác này cho đơn vị khác hoặc dùng nó để gán nợ, để thế chấp, cầm cố bảo lãnh tài sản trong các giao dịch khác mà không được sự đồng ý của bên B thì bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

3) For each shipment, Party A commits to only entrust Party B with the import-export function conducting the offering and export from ..., if Party A later transfers ownership of this entrusted shipment to another unit or uses the ownership to assign debt, mortgage or pledge assets in other transactions without Party B's consent, then Party A must take full responsibility.

Điều 4: ***Vận chuyển, giao dịch xuất khẩu số hàng đã uỷ thác***

Article 4: Transport and export transactions of entrusted goods

1) Bên A có trách nhiệm vận chuyển hàng tới địa điểm và theo đúng thời gian bên B đã hướng dẫn là:

Địa điểm……

Thời gian: hàng phải có trước……giờ ngày……/…../….

1) Party A is responsible for transporting the goods to the location and according to the time instructed by Party B as follows:

Location……

Time: Goods must be available before……on……/…../….

2) Bên B có trách nhiệm khẩn trương giao dịch xuất khẩu hàng hoá trong thời gian … ngày (kể từ ngày bên A báo đã chuẩn bị đủ các yêu cầu về hàng hoá thoả thuận với bên B). Nếu không giao dịch được trong thời gian nói trên, bên B phải thông báo ngay cho bên A biết để xử lý lô hàng đó.

2) Party B is responsible for expeditiously exporting goods within ... days (from the date Party A reports that Party A has fully prepared the goods requirements agreed upon with Party B). If the transaction cannot be made within the above time, Party B must immediately notify Party A to process that shipment.

3) Bên B có trách nhiệm xuất khẩu hàng hoá với điều kiện có lợi nhất cho bên A (về giá cả cao, khả năng thanh toán nhanh bằng ngoại tệ mạnh .v.v…).

3) Party B is responsible for exporting goods with the most favorable conditions for Party A (in terms of high prices, ability to pay quickly in strong foreign currency, etc.).

Điều 5: ***Thanh toán tiền bán hàng***

Article 5: Payment

Bên B có trách nhiệm cung cấp cho ngân hàng (ngoại thương)… tại… những tài liệu cần thiết để tạo thuận lợi cho bên A nhận được ngoại tệ do bên nước ngoài thanh toán một cách nhanh chóng nhất.

1) Party B is responsible for providing the bank (foreign trade)… at… with the necessary documents to facilitate Party A in receiving foreign currency paid by the foreign party as quickly as possible..

2) Bên A được quyền sử dụng ngoại tệ đó theo quy định của Nhà nước, bên B không có quyền trong việc sở hữu số ngoại tệ này.

2) Party A has the right to use that foreign currency in compliance with legal regulations, Party B has no right to own this foreign currency.

Điều 6: ***Giải quyết rủi ro***

Article 6: Address risk

Bên A phải chịu thiệt thòi về những rủi ro trong quá trình uỷ thác xuất khẩu lô hàng trên nếu bên B chứng minh là họ không có lỗi và đã làm đầy đủ mọi trách nhiệm đòi bồi thường ở người thứ ba (là người có lỗi gây rủi ro như làm đổ vỡ, cháy… hàng hoá uỷ thác xuất khẩu).

Trường hợp này người thứ ba thực hiện nghĩa vụ bồi thường trực tiếp cho bên A.

Party A must bear the disadvantages of the risks in the process of entrusting the export of the above shipment if Party B proves that they are not at fault and have fulfilled all responsibilities for asking compensation from the third party (who causes risks such as breakage, fire, etc. of goods entrusted for export).

In this case, the third person shall perform the obligation to compensate Party A directly.

Điều 7: ***Trả chi phí uỷ thác***

Article 7: Entrust fee payment

1) Bên A phải thanh toán cho bên B tổng chi phí uỷ thác theo mức qui định của Nhà nước (có thể do hai bên thỏa thuận).

Số tiền chi phí uỷ thác mặt hàng……(thứ nhất) là… đồng

……(thứ hai) là …. đồng

……(thứ ba) là …. đồng

Tổng chi phí uỷ thác là: (số)…… đồng. (Bằng chữ)……

1) Party A must pay Party B the total entrust fee regulated in the statutes (can be agreed upon by both parties).

The amount of the entrust fee for the item……..(first) is …VND

……..(second) is …. VND

……..(third) is …. VND

Total amount of the entrust fee is: (in number)…… dong. (In text)……

Thanh toán theo phương thức…….(có thể chuyển khoản, tiền mặt v.v…)

2) Payment method…….(can be bank transfer, cash, etc.)

Điều 8: ***Trách nhiệm của các bên trong thực hiện***

Article 8: The responsibility of each party in the implementation process

Trường hợp hàng hoá bị khiếu nại do những sai sót của bên A thì bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách nước ngoài theo kết quả giải quyết cùng với bên B.

1) In case the goods are complained due to Party A's errors, Party A must be responsible for compensating the foreign customer for damages according to the settlement results with Party B.

2) Bên B có trách nhiệm làm đủ những công việc cần thiết hợp lý để giải quyết những khiếu nại khi khách hàng nước ngoài phát đơn, kể cả trường hợp hàng hoá uỷ thác xuất khẩu có tổn thất vì gặp rủi ro trên, cũng phải chịu trách nhiệm vật chất theo phần lỗi của mình.

2) Party B is responsible for taking all reasonably necessary measures to resolve complaints when foreign customers issue orders, including cases when goods entrusted for export are damaged due to the above risks, Party B must also bear material responsibility according to Party B's own fault.

3) Khi xác định phần lỗi phải bồi thường thiệt hại vật chất thuộc trách nhiệm của bên A thì bên B có nghĩa vụ gửi những tài liệu pháp lý chứng minh đến ngân hàng ngoại thương khu vực là… (nơi bên A mở tài khoản để nhận thanh toán ngoại tệ) để ngân hàng này trích tài khoản của bên A, trả bồi thường cho khách hàng nước ngoài, đồng thời bên B phải thông báo cho bên A biết.

3) When the fault that requires compensation for material damage is determined to be Party A's responsibility, Party B is obliged to send the proving legal documents to the regional foreign trade bank at... (where Party A opens an account to receive foreign currency payment) so that this bank can deduct from Party A's account, pay compensation to foreign customers, and Party B must notify Party A at the same time.

4) Nếu bên B thực hiện nội dung hướng dẫn không cụ thể về hàng hoá sai yêu cầu mà khách hàng đưa ra, gây thiệt hại cho bên A thì bên B có trách nhiệm bồi thường những thiệt hại thực tế đã gây ra cho bên A do hàng hoá không xuất khẩu được.

4) If Party B carries out non-specific instructions about the goods against the customer's requirements, causing damage to Party A, Party B is responsible for compensating for the actual damages caused to Party A when goods cannot be exported.

5) Bên A không chấp hành đúng thời gian và địa điểm giao nhận hàng theo hướng dẫn của bên B, dẫn tới hậu quả bị bên khách hàng nước ngoài phạt hợp đồng với bên B và bắt bồi thường các khoản chi phí khác như cảng phí, tiền thuê phương tiện vận tải v.v… thì bên A chịu trách nhiệm bồi thường thay cho bên B. Nếu lỗi này do bên B hướng dẫn sai thời gian, địa điểm giao nhận hàng thì bên B phải chịu bồi thường trực tiếp cho khách hàng nước ngoài.

5) Party A does not comply with the time and place of delivery according to Party B's instructions, leading to the foreign customer penalizing the contract with Party B and being forced to compensate for other costs such as port costs fees, vehicle rental fees, etc., Party A is responsible for compensating Party B on behalf of Party B. If this error is due to Party B's incorrect instructions as to the time and place of delivery, Party B must pay compensation directly to the foreign customers.

6) Nếu bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí uỷ thác do trả chậm so với thoả thuận, bên B được áp dụng mức phạt lãi suất tín dụng quá hạn theo qui định của ngân hàng nhà nước là… % ngày (hoặc tháng) tính từ ngày hết thời hạn thanh toán.

6) If Party A violates the obligation to pay the entrust fee due to late payment compared to the agreement, Party B is entitled to apply the overdue

credit interest rate according to the regulations of the state bank of... % day (or months) counted from the date of expiry of the payment period.

7) Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới…% giá trị phần hợp đồng đã ký (cao nhất là 12%).

7) Any party that has signed a contract but fails to perform or unilaterally suspends the performance of the contract without a legitimate reason will be fined up to...% of the value of the signed contract (maximum of 12%).

8) Những vi phạm trong hợp đồng này mà hai bên gây ra cho nhau (nếu không liên quan đến bồi thường vật chất cho bên nước ngoài) xảy ra, trường hợp có một bên gây ra đồng thời nhiều loại vi phạm thì chỉ phải chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo các mức phạt mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng này.

8) If violations that the two parties cause to each other (if not related to material compensation to the foreign party) occur, in case one party causes many types of violations at the same time, this party must only be subject to a fine with the highest fine amount according to the fines agreed upon by the parties in this contract.

Điều 9: ***Giải quyết tranh chấp***

Article 9: Dispute resolution

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tố tụng trọng tài của Trung tâm này.

Any dispute arising out of or in connection with this Contract shall be resolved by arbitration at the Middle Commercial Arbitration Center (MCAC) in accordance with its Arbitration Rules.

Điều 10. ***Thông báo***

Article 10: Notification

1) Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, mọi thay đổi về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi trong các điều khoản đã thỏa thuận, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt và gửi đến các địa chỉ ở phần đầu Hợp đồng này hoặc địa chỉ thay đổi sau này theo thông báo của Hai Bên.

1) Any notices, requests, information, any changes in responsibilities, obligations and rights in the agreed terms, complaints arising relating to this Contract must be made in writing using Vietnamese and sent to the addresses at

the beginning of this Contract or the addresses later if being changed as notified by both Parties.

2) Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, tất cả các thông báo sẽ được gửi qua bưu điện hoặc giao trực tiếp. Khi bưu điện không phát thư được vì bất kỳ lý do gì thì Bên thông báo sẽ thông tin cho Bên kia được biết và gửi thông báo bằng fax hoặc thư điện tử cho Bên kia. Trong một số trường hợp đặc biệt khẩn cấp, một trong Hai Bên đồng ý hình thức thông báo cho Bên kia bằng điện thoại trực tiếp.

2) In the absence of other agreements, all notices will be sent by post or direct delivery. When the post office cannot deliver the notices for any reason, the notifying Party will notify the other Party and send the notice by fax or email to the other Party. In some especially urgent cases, either Party agrees to notify the other Party via direct phone call.

3) Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại được coi là đã nhận nếu đúng địa chỉ, đúng tên người nhận, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Khoản 1,2 nêu trên và thời gian được xác định như sau:

3) The two Parties agree that notices, requests, information, and complaints are considered received if they are to the correct address, correct recipient name, and have correct form of notification as agreed in Clause 1 and 2 above. and time is determined as follows:

a.Khi giao trực tiếp: là ngày gửi và có chữ ký của người nhận thông báo;

a.When delivered directly: is the date of sending and has the signature of the recipient of the notification;

b.Khi gửi qua bưu điện: sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày đóng dấu bưu điện đến;

b.When sending by post: after 02 (two) working days from the date of arrival postmark;

c. Khi gửi qua fax: là thời điểm Bên đó nhận được được tín hiệu chuyển fax thành công;

c. When sending via fax: is the time when that Party receives the fax transmission signal successfully;

d. Trong các trường hợp này, nếu ngày tương ứng rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ của Việt Nam thì các thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch… nói trên sẽ được xem như bên kia nhận được vào ngày kế tiếp.

d. In these cases, if the corresponding day is a Sunday or a Vietnamese holiday, the above notices, requests, complaints or transactional

correspondence, etc will be deemed to be received by the other party on the next day.

4) Hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo…Nếu Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

4) The two Parties must notify each other in writing if there is a request to change the address, form, name of the recipient of the notification, etc. If the Party making the change does not notify the other Party, the Party that is sending the notification shall not be responsible for the Party making the change not receiving the written notifications.

Điều 11: Hiệu lực của hợp đồng

Article 11: Validity of contract

Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các điều khoản của Hợp đồng. Các điều khoản, nội dung công việc cam kết trong Hợp đồng khi cần có thể được sửa đổi, bổ sung, lập phụ lục thỏa thuận Hợp đồng giữa Hai bên. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung hoặc lập Phụ lục Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký của Hai bên và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

1) The parties commit to properly and fully implement all terms of the Contract. The terms and content of work committed in the Contract can be amended, supplemented, and added addendums to the Contract between the two parties when necessary. Any amendments, supplements or addendums to the Contract must be made in writing, signed by both parties and are an inseparable part of the Contract.

2) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên ký kết đến ngày …../…../….. . Hợp đồng này là toàn bộ thỏa thuận giữa các bên và thay thế bất kỳ thỏa thuận, cam kết, sắp xếp, thông đạt hoặc diễn đạt ý định nào mà có liên quan đến nội dung Hợp đồng này. Hợp đồng này được xem là kết thúc khi có Biên bản thanh lý Hợp đồng được đại diện hợp pháp của 02 Bên ký kết.

2) This Contract comes into force from the date of signing by both Parties to ...../...../..... . This Contract is the entire agreement between the parties and supersedes any other agreements, commitments, arrangements, communications or expressions of intent relating to the content of this Contract. This Contract is considered ended when there is a Contract Liquidation Record signed by the legal representatives of both Parties.

3) Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau; mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

3) This contract is made into 04 (four) copies with equal legal validity; Each Party keeps 02 (two) copies.

4) Hợp đồng này được ký bởi đại diện có thẩm quyền của các Bên vào ngày được nêu ở phần đầu.

4) This Contract is signed by authorized representatives of the Parties on the date stated at the beginning.

CÁC THỎA THUẬN KHÁC (Nếu có)

OTHER AGREEMENTS *(If any)*

.....

ĐẠI DIỆN BÊN A ***REPRESENTATIVE OF PARTY A***	**ĐẠI DIỆN BÊN B** ***REPRESENTATIVE OF PARTY B***
Chức vụ *Position* (Ký tên, đóng dấu) *(Sign, stamp)*	Chức vụ *Position* (Ký tên, đóng dấu) *(Sign, stamp)*